

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 19 - 03 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Dinh và ông Sùng A Sinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 03/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 07/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tòng Văn H - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1983 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Không; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Tòng Tuyên P - Sinh năm 1927 (Đã chết) và bà Lò Thị H - Sinh năm 1939; Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Vợ Lò Thị D - Sinh năm 1987; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Thị T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1990 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn P - Sinh năm 1961 (đã chết) và bà Tòng Thị P - Sinh năm 1963 (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Tòng Văn Đ - Sinh năm 1990; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn

nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Mào Thị Th - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1987 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Y tế học đường; Chức vụ: Không; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Mào Xuân N - Sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị S - Sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng: Nguyễn Ngọc H - Sinh năm 1987; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lò Thị T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1992 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Không; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Ph - Sinh năm 1962 và bà Lò Thị Ph - Sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng: Phạm Trung Hiếu - Sinh năm 1989; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lò Thị D - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1987 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ y tế; Chức vụ: Không; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Ph - Sinh năm 1961 (đã chết) và bà Tòng Thị Ph - Sinh năm 1963 (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng: Tòng Văn H - Sinh năm 1983; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ

ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản B, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lò Thị T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1988 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Phơn - Sinh năm 1962 và bà Lò Thị P - Sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng: Lò Văn B - Sinh năm 1985 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Lò Văn D - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn HL, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức huyện uỷ, Chức vụ: Uỷ viên UBKT huyện uỷ; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn V - Sinh năm 1957 (đã chết) và bà Lò Thị T - Sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Lò Thị D - Sinh năm 1990; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Thôn HL, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lò Văn L - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1995 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Chức vụ: Không; Là Đảng viên Đảng CSVN. Hiện nay đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Ng - Sinh năm 1974 và bà Mào Thị Ch - Sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Tòng Thị Mai - Sinh năm 1998; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Lò Văn T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản NT, TT TC, huyện Tc, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Th - Sinh năm 1966 và bà Lò Thị N - Sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Khoảng Thị C - Sinh năm 1997; Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân thân huyện Tủa Chùa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án số 19/2014/HSST ngày 26/6/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản NT, TT TC, huyện Tc, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Lò Văn Th - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản B E, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe (hiện đã bị thôi việc); Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lò Văn V - Sinh năm 1967 và bà Lò Thị Tr - Sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Tòng Thị M - Sinh năm 1989; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 đến nay tại Bản B E, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lò Văn Phon - Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 22/12/2024, tại nhà ông Lò Văn Phon (sinh năm 1962), trú tại bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên, các bị cáo gồm: Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Văn T và Mào Thị Th rủ nhau cùng chơi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền. Sau khi thống nhất, các bị cáo ngồi quây thành hình vòng tròn trên sàn nhà, lấy 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân được đánh thứ tự từ A, 2, 3,...đến 10, J, Q, K gồm các chất rô, cơ, tép, bích có sẵn tại nhà ông Phon đem ra để chơi. Hình thức chơi là dùng bộ bài tứ lơ khơ nêu trên, bỏ đi các quân 10, J, Q, K, còn lại 36 quân bài gồm các quân bài từ A đến 9 (A quy ước là số 1). Ở ván đầu tiên, bốn người gồm T, D, T và Th rút quân bài, ai cao điểm nhất thì được chia bài (tức là cầm chương), nếu các ván sau ai được 10 điểm thì được chia bài. Người chia bài trộn đều sau đó chia từng quân bài lần lượt theo vòng cho mỗi người chơi, đến khi mỗi người có đủ 03 quân bài thì dừng lại để tính điểm. Cách tính điểm ở mỗi ván như sau: người chơi cộng 03 quân bài lại để so điểm với nhau, ai cao hơn

thì là người thắng, 10 điểm là lớn nhất (nếu cộng lại 03 quân bài được 20 điểm thì vẫn được tính là 10 điểm); nếu người chơi được số điểm từ 11 đến 19 điểm thì chỉ tính theo số lẻ tương ứng từ 1 đến 9 điểm. Nếu trong ván người chơi nào bằng điểm nhau thì sẽ so chất theo thứ tự từ lớn đến bé là rô, cơ, tép, bích (A rô là lớn nhất, sau đó đến các quân bài từ 9 đến 2 rô; các chất khác thì quân bài 9 là lớn nhất). Số tiền đặt cược một ván là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) được gọi là "Vào gà". Ngoài ra trong ván người chơi có thể cá cược riêng với nhau thì tùy theo thỏa Tận. Những người chơi tự so điểm để tính hơn Ta, người thắng điểm được ăn hết số tiền đặt cược. Khi 04 bị cáo T, D, T và Th đang chơi thì lần lượt có 06 bị cáo khác đến xin chơi cùng gồm: Lò Thị T, Lò Văn Th, Tòng Văn H, Lò Văn L, Lò Thị T và Lò Văn D. Các bị cáo tiếp tục ngồi theo hình vòng tròn, cùng nhau chơi đánh bạc hết ván này đến ván khác. Sau đó bị cáo Tòng Văn H hết tiền, đứng dậy đi vệ sinh rồi về ngồi phía sau Lò Văn D để xem những người khác chơi.

Đến hồi 16 giờ 30 phút, ngày 22/12/2024, khi 10 người gồm Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th đang đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh ba cây thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại khu vực Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang. T giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 23.530.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) và 36 quân bài tứ lơ khơ màu vàng, xanh, trắng. Do lo sợ và sơ hở trong quá trình bắt quả tang, Tòng Văn H, Mào Thị Th bỏ chạy khỏi nhà ông Lò Văn Phơn. Đến ngày 24/12/2024, H và Th đã tự nguyện ra đầu thú tại Công an tỉnh Điện Biên. Mục đích 10 bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây là để thắng tiền của người chơi cùng, T lợi bất chính từ việc đánh bạc.

Kết luận giám định số 111/KL-KTHS ngày 21/01/2025 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: 136 tờ tiền Việt Nam đồng gửi giám định gồm: 21 (hai mươi mốt) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); 32 (ba mươi hai) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); 58 (năm mươi tám) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); 13 (mười ba) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng); 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) và 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) là tiền thật.

Vật chứng T giữ: Số tiền 23.530.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) và 36 quân bài tứ lơ khơ màu vàng, xanh, trắng hiện đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước huyện Tủa Chùa và Kho vật chứng theo quy định.

Ngoài ra Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Điện Biên tạm giữ: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04, màu xanh, bên trong máy có gắn sim Tê bao số 0982313372, máy cũ, đã qua sử dụng (Tạm giữ của Lò Thị T); 02 (Hai) chiếc điện thoại gồm: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A94, màu xanh, bên trong máy có

gắn sim thẻ bao số 0373856073, máy cũ, đã qua sử dụng và 01 (Một) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Masstel, máy cũ, đã qua sử dụng (Tạm giữ của Lò Văn T); 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG A13, màu đen, bên trong máy có gắn sim Thẻ bao số 0338243803, máy cũ, đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ (Tạm giữ của Lò Văn L); 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG A13, bên trong máy có gắn 02 (Hai) sim Thẻ bao số 0363888359 và 0838211988, máy cũ, đã qua sử dụng (Tạm giữ của Lò Thị D).

Cáo trạng số 07/CT-VKSHTC ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa đã truy tố các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th phạm tội “Đánh bạc”

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Văn L** 09 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 04 ngày tạm giữ quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Văn Th** 06 (Sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 04 ngày tạm giữ quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nay đang thất nghiệp, không có khả năng thi hành hình phạt tiền.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

3. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Mào Thị Th** 09 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập 5% trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

4. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Văn T** 12 (Mười hai) tháng đến 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 04 ngày tạm giữ quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo **Lò Văn D** 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

6. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo **Tòng Văn H** 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

7. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Thị T** 09 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 04 ngày tạm giữ quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập 5% trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

8. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Thị T** 09 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 04 ngày tạm giữ quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập 5% trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

9. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Thị D** 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

10. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo **Lò Thị T** 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 23.530.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) các Bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch T tiêu hủy các công cụ dùng để đánh bạc gồm: 36 quân bài tú lơ khơ màu vàng, xanh, trắng.

Về án phí: Buộc các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh cũng như về hình phạt. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bởi vì các bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều là con, cháu của ông. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và luận tội của kiểm sát viên, lời khai của các Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản sự việc được lập khi bắt quả tang các bị cáo đánh bạc, kết quả thu giữ tiền trên chiếu bạc, các dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 36 quân bài tú lơ khơ màu vàng, xanh, trắng; phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận giám định số tiền thu giữ quả tang là tiền thật và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 22/12/2024 tại nhà của ông Lò Văn Phơn, trú tại bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên, các bị cáo gồm: Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây để được, bằng tiền với nhau thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại khu vực Bản S, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ số tiền cụ thể của từng bị cáo khi tham gia đánh bạc như sau: Bị cáo Lò Thị T mang theo khoảng 1.500.000 đồng; bị cáo Lò Văn D mang theo khoảng 2.000.000 đồng; bị cáo Lò Văn L mang theo khoảng 2.500.000 đồng; bị cáo Tòng Văn H mang theo khoảng 2.000.000 đồng; bị cáo Lò Văn Th mang theo khoảng 4.000.000 đồng; bị cáo Lò Thị T mang theo khoảng 2.000.000 đồng; bị cáo Lò Văn T mang theo khoảng 3.000.000 đồng; bị cáo Lò Thị D mang theo khoảng 2.000.000 đồng; bị cáo Mào Thị Th mang theo khoảng 2.000.000 đồng; bị cáo Lò Thị T mang theo khoảng 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc khi bị bắt là 23.530.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Hành vi phạm tội của các Bị cáo Thuộc trường hợp "*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...*". Do đó hành vi của các bị cáo: Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng

Đây là vụ án đồng phạm, trong đó tất cả các bị cáo đều là người thực hành. Các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước mà tự phát, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo cùng tham gia đánh bạc, với mục đích để thắng được tiền của những người cùng chơi, các Bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành; số tiền tham gia đánh bạc bị T giữ là 23.530.000 đồng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã làm rõ được mỗi bị cáo sử dụng bao nhiêu tiền để đánh bạc, nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xác định các bị cáo có vai trò ngang nhau trong tội "Đánh bạc".

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và biết được hành vi đánh bạc trái phép được Ta bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đánh bạc không những nguy hiểm cho xã hội mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đến việc xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh tại địa phương.

- Các bị cáo phạm tội Tội trường hợp ít nghiêm trọng.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn T, Lò Văn Th đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

3.1 Bị cáo Lò Văn L:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tội trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt pháp luật tại địa phương; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn T nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, T nhập không ổn định nên không khấu trừ T nhập đối với bị cáo.

3.2. Bị cáo Mào Thị Th:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tội trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo tự nguyện ra đầu thú tại cơ quan điều tra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm y tế học đường, thu nhập ổn định hàng tháng với số tiền: 8.046.558 đồng. Do vậy cần khấu trừ thu nhập mỗi tháng 5%, số tiền là 402.327 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3.3. Bị cáo Lò Văn Th:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình công tác đã có thành tích xuất sắc được Bộ trưởng Bộ y tế tặng Bằng khen, gia đình bị cáo được hưởng chính sách ưu tiên gia đình có công với cách mạng (ông nội của bị cáo là Liệt sĩ Lò Văn Phích), bố đẻ của bị cáo được UBND tỉnh Điện Biên tặng nhiều Bằng khen trong công tác nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo hiện đã mất việc làm, không có nguồn thu nhập nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3.4. Bị cáo Lò Văn T:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và các đối tượng có liên quan; Trong tháng 01/2025 bị cáo cung cấp thông tin tội phạm về ma túy, căn cứ thông tin bị cáo cung cấp Công an huyện đã bắt quả tang và khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với đối tượng Quảng Văn Tồn, trú tại Bản B E, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên, Cơ quan điều tra có công văn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (Công văn số 17/CV-CQĐT ngày 28/02/2025), nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Năm 2014, bị Toà án nhân thân huyện Tòa Chùa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ theo bản án số 19/2014/HSST ngày 26/06/2014, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xoá án tích. Trước khi phạm tội lần này bị cáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, (có xác nhận của UBND thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa). Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3.5. Bị cáo Lò Thị T:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố đẻ của bị cáo là ông Lò Văn Phình, là người có nhiều đóng góp, thành tích xuất sắc trong lao động và chiến đấu, được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen, Huân chương lao động hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là giáo viên cấp 2, thu nhập ổn định hàng tháng với số tiền: 13.143.844 đồng. Do vậy cần khấu trừ thu nhập mỗi tháng 5%, số tiền là 657.192 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3.6. Bị cáo Lò Thị T:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông ngoại của bị cáo là ông Lò Văn Chung được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tài sản và nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là giáo viên cấp hai, thu nhập ổn định hàng tháng với số tiền: 15.282.899 đồng. Do vậy cần khấu trừ thu nhập mỗi tháng 5%, số tiền là 764.145 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3.7. Bị cáo Lò Thị D:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, bên cạnh đó trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen của cấp có thẩm quyền, bố đẻ của bị cáo là ông Lò Văn Phình, là người có nhiều đóng góp, thành tích xuất sắc trong lao động và chiến đấu, được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen, Huân chương lao động hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng, bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc. Do đó, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và đồng thời đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

3.8. Bị cáo Lò Văn D:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen của cấp có thẩm quyền, bố bị cáo là ông Lò Văn Vận được tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng, bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc. Do đó, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và đồng thời đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

3.9. Bị cáo Tòng Văn H:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen của cấp có thẩm quyền, bố đẻ của bị cáo là ông Tòng Duyên Phót là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên

được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng, bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc. Do đó, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và đồng thời đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

3.10. Bị cáo Lò Thị T:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen của cấp có thẩm quyền, ông ngoại của bị cáo là ông Lò Văn Chung được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt; Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc khoảng 1.500.000 đồng, bị cáo cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc. Do đó, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và đồng thời đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ biên bản xác minh tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để miễn hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn Th, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị T, Lò Văn T.

Căn cứ Điều 32 Bộ luật hình sự, do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lò Văn D, Tòng Văn H, Lò Thị D, Lò Thị T.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với hộ gia đình ông Lò Văn Phơn, trong quá trình điều tra đã làm rõ khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ông Phơn không có mặt ở nhà, ông Phơn không biết việc các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà mình, không T hồ, T phê, cầm cố, thế chấp hoặc cho vay tiền để các bị cáo đánh bạc. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với những chiếc điện thoại T giữ của Lò Thị T, Lò Văn T, Lò Văn L và Lò Thị D. Trong quá trình điều tra, xác minh đã xác định rõ các bị cáo không dùng điện thoại để trao đổi, bàn bạc, rủ rê đánh bạc với nhau. Ngày 20/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tủa Chùa ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu tiến hành

trao trả cho các bị cáo Lò Thị T, Lò Văn T, Lò Văn L và Lò Thị D là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng vụ án:

Số tiền tiền trên chiếu bạc 23.530.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các dụng cụ sử dụng để đánh bạc gồm: 36 quân bài tú lơ khơ màu vàng, xanh, trắng, là công cụ phạm tội và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn Th, Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Công an huyện Tủa Chùa, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Các bị cáo: Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn Th, Lò Văn T phạm tội "**Đánh bạc**".

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn L 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 04 ngày tạm giữ (23/12/2024) đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn Th 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 04 ngày tạm giữ (23/12/2024) đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.3. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Được khấu trừ 04 ngày tạm giữ (23/12/2024 đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 13 (Mười ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.4. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mào Thị Th 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (24/12/2024 đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo với số tiền là 402.327 đồng (Bốn trăm L hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng)/tháng trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Được khấu trừ 04 ngày tạm giữ (23/12/2024 đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo với số tiền là 657.192 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng)/tháng trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ T nhập được thực hiện hàng tháng.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.6. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Được khấu trừ 04 ngày tạm giữ (23/12/2024 đến ngày 27/12/2024), quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo số tiền là 764.145 đồng (*Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*)/tháng, trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ T nhập được thực hiện hàng tháng.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.7. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn D: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.8. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tòng Văn H: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.9. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị D: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

2.10. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị T: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch T sung ngân sách nhà nước: Số tiền 23.530.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Tịch T tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ màu vàng, xanh, trắng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện và chi cục thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều

23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Tòng Văn H, Lò Thị T, Mào Thị Th, Lò Thị T, Lò Thị D, Lò Thị T, Lò Văn D, Lò Văn L, Lò Văn Th, Lò Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Kháng cáo:

Áp dụng điều 331, điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2025). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS- CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tủa Chùa;
- Chi cục THADS huyện Tủa Chùa;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

